TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 377/2024/QĐST-HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 30 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thúy Mai

2. Ông Nguyễn Quang Huy

Căn cứ vào các Điều 212,213,235 và 246 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55; 57; 58; 59; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 146, 147; 157; 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 642/2023/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị NG, sinh năm 1966

HKTT cũ: TDP Đồng Bẩm, P.Đồng Bẩm, TP.Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

HKTT hiện nay: Tổ 12, P. Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Phạm Thanh T, sinh năm 1962

HKTT: Tổ 18, P. Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa**:** Chị Nguyễn Thị NG và anh Phạm Thanh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị NG và anh Phạm Thanh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị NG và anh T thỏa thuận: Chị NG trực tiếp nuôi Phạm T Anh, sinh ngày 01/10/2008 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Khi xét thấy cần thiết hoặc do điều kiện sống có sự thay đổi, vợ chồng có thỏa thuận khác phù hợp với quy định pháp luật và vì lợi ích của con chung, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

2.3**.** Về cấp dưỡng nuôi con: Chị NG và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về tài sản chung: Chị NG và anh T xác định tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân bao gồm: Đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 741, tờ bản đồ số 13, diện tích 201,5m^2, tại TDP Đồng Bẩm, P. Đồng Bẩm, TP.Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, giấy chứng nhận QSD đất số BA 545613 do UBND thành phố Thái Nguyên cấp ngày 08/02/2010 mang tên ông Phạm Thanh T và bà Nguyễn Thị NG. Nguồn gốc đất thuộc thửa số 741, tờ bản đồ số 13, diện tích 201,5m^2 là của bố mẹ đẻ của anh T tặng cho hai vợ chồng. Công nhận sự thỏa thuận của chị NG và anh T như sau:

2.4.1. Anh Phạm Thanh T được sở hữu, sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, bao gồm:

+ Diện tích đất 201,5m^2 thuộc thửa đất số 741, tờ bản đồ số 13, tại TDP Đồng Bẩm, P. Đồng Bẩm, TP.Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Giấy chứng nhận QSD đất số BA 545613 do UBND thành phố Thái Nguyên cấp ngày 08/02/2010 mang tên ông Phạm Thanh T và bà Nguyễn Thị NG. Trị giá: 554.125.000đồng. Chị NG không yêu cầu anh T trích chia tài sản chung đối với diện tích đất trên.

+ Tài sản gắn liền trên đất: 01 nhà 03 tầng mái đổ bê tông cốt thép, nền gạch liên doanh diện tích 76m2; 01 nhà 02 tầng mái lợp ngói tầng 2, nền lát gạch, diện tích 83m2; 01 công trình phụ diện tích 30m2; 01 mái tôn đua sân diện tích 10,4m2; nền lát gạch sân; 01 hàng rào và cổng thép hộp. Tổng trị giá: 622.059.720đồng.

Tổng giá trị tài sản anh T được nhận là: 1.176.184.720đ(*Một tỷ một trăm bảy mươi sáu triệu, một trăm tám mươi bốn nghìn, bảy trăm hai mươi đồng*). Theo biên bản định giá tài sản 24/7/2024 của Hội đồng định giá Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

2.4.2. Anh T có trách nhiệm trích chia tài sản chung là tài sản gắn liền trên đất cho chị NG số tiền là: **200.000.000đ**(Hai trăm triệu đồng) trên tổng giá trị tài sản 622.059.720đồng.

- Tổng giá trị tài sản anh T được nhận sau khi trích chia tài sản gắn liền trên đất cho NG là: **976.184.720đ(** *Chín trăm bảy mươi sáu triệu, một trăm tám mươi bốn nghìn, bảy trăm hai mươi đồng*).

2.4.3. Chị Nguyễn Thị NG nhất trí nhận trích chia tài sản của anh T số tiền **200.000.000đ**(Hai trăm triệu đồng). Chị NG đã nhận số tiền trích chia 200.000.000đồng và không yêu cầu anh T trích chia tài sản chung là diện tích đất 201,5m^2 thuộc thửa đất số 741, tờ bản đồ số 13.

Chị NG và anh T có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển nhượng QSD đất và tài sản gắn liền trên đất cho anh T theo quy định pháp luật.

2.5. Về khoản nợ chung: Hai bên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.6. Về chi phí tố tụng: Chị NG và anh T thỏa thuận, chị NG chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

2.7. Về án phí: Chị NG phải chịu 10.000.000đ (Mười triệu đồng) án phí HNGĐ sơ thẩm nộp vào Ngân sách nhà nước, hoàn trả lại chị NG số tiền 4.000.000đồng, được trừ vào số tiền 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000002114 ngày 20/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên**.**

Anh T phải chịu 41.285.541đ(*Bốn mươi mốt triệu, hai trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm bốn mươi một đồng*) án phí HNGĐ sơ thẩm nộp vào Ngân sách nhà nước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TPTN;
- VKSND TPTN;
- Chi cục THADS TPTN;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thành phố TN;
- UBND phường ;
- Lưu hồ sơ vụ án.